

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**

Số: 2167/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Tân Uyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh ngân sách
huyện Bắc Tân Uyên năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 24/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê chuẩn dự toán điều chỉnh thu ngân sách nhà nước; điều chỉnh thu, chi và phân bổ ngân sách huyện năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 385/TTr-PTCKH ngày 04/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên (Đính kèm các biểu mẫu số 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục trưởng Chi Cục thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

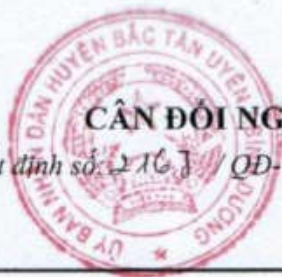
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH & ĐT tỉnh;
- TTHU-TTHĐND;
- UBNDTTQVN huyện;
- CT, các PCT;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Thanh Bình



Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 13 / 8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1.203.793
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	311.611
-	Thu NSDP hưởng 100%	203.603
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	108.008
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	482.618
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	406.165
2	Thu bổ sung có mục tiêu	76.453
III	Thu kết dư	343.536
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	66.028
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	855.243
I	Tổng chi cân đối NSDP	826.017
1	Chi đầu tư phát triển	180.977
2	Chi thường xuyên	600.932
3	Dự phòng ngân sách	12.313
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	31.795
II	Chi các chương trình mục tiêu	0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	29.226

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, NS CẤP HUYỆN VÀ NS CẤP XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 2167 /QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán
A	B	C
A	NGÂN SÁCH HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	1.160.500
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	308.676
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	482.618
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	406.165
	Thu bổ sung có mục tiêu	76.453
3	Thu kết dư	316.821
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	52.385
II	Chi ngân sách	852.308
1	Chi nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	658.410
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	164.672
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	158.072
-	Chi bổ sung có mục tiêu	6.600
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	29.226
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	207.965
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.935
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	164.672
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	158.072
-	Thu bổ sung có mục tiêu	6.600
3	Thu kết dư	26.715
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	13.643
II	Chi ngân sách	167.607

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 467 / QĐ-UBND ngày 13 / 8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	739.063	311.611
I	Thu nội địa	739.063	311.611
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.944	0
	- Thuế giá trị gia tăng	544	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thuế tài nguyên	1.400	
	- Thu khác		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	22.503	0
	- Thuế giá trị gia tăng	10.608	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.895	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thuế tài nguyên		
	- Thu khác		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	58	0
	- Thuế giá trị gia tăng	58	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thuế tài nguyên		
	- Thu tiền thuê đất		
	- Thu khác		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	299.169	134.034
	- Thuế giá trị gia tăng	142.603	51.337
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.420	41.551
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thuế tài nguyên	41.146	41.146
	- Phí bảo vệ môi trường		

	- Thu khác		
5	Thuế thu nhập cá nhân	42.000	15.120
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	26.000	26.000
8	Thu phí, lệ phí	20.000	16.498
-	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>	3.500	
-	<i>Phí và lệ phí tỉnh</i>		
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	15.873	15.873
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	625	625
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	1.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	178.934	109.000
12	Thu tiền sử dụng đất	102.303	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	28.576	
16	Thu khác ngân sách	15.533	8.959
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.043	1.000
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 2163 / QĐ-UBND ngày 18 / 8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

DVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	855.243	687.636	167.607
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	826.017	658.410	167.607
I	Chi đầu tư phát triển	180.977	175.377	5.600
1	Chi đầu tư cho các dự án	180.977	175.377	5.600
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		0
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	600.932	442.437	158.495
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	137.123	132.448	4.675
2	Chi khoa học và công nghệ	836	836	
III	Dự phòng ngân sách	12.313	8.801	3.512
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	31.795	31.795	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	29.226	29.226	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	Trong đó	
			Huyện	Xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI HUYỆN	855.243	687.637	167.606
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ			
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC	826.017	658.411	167.606
I	Chi đầu tư phát triển	180.977	175.377	5.600
1	Chi đầu tư cho các dự án	180.977	175.377	5.600
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi quốc phòng	0		
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0		
-	Chi y tế, dân số và gia đình	0		
-	Chi văn hóa thông tin	0		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		
-	Chi thể dục thể thao	0		
-	Chi bảo vệ môi trường	0		
-	Chi các hoạt động kinh tế	0		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0		
-	Chi bảo đảm xã hội	0		
-	Chi đầu tư khác	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	600.932	442.438	158.494
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	137.123	132.449	4.675
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	512	512	
-	Chi quốc phòng	39.411	16.312	23.099
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	22.387	12.686	9.701
-	Chi y tế, dân số và gia đình	28.491	27.606	885
-	Chi văn hóa thông tin	6.502	4.384	2.118
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.887	2.387	1.500
-	Chi thể dục thể thao	4.012	1.962	2.050
-	Chi bảo vệ môi trường	25.696	23.585	2.111
-	Chi các hoạt động kinh tế	132.607	121.643	10.964
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	144.668	54.449	90.219
-	Chi bảo đảm xã hội	36.791	33.269	3.522
-	Chi thường xuyên khác	18.845	11.195	7.650
III	Dự phòng ngân sách	12.313	8.801	3.512
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	31.795	31.795	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	29.226	29.226	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 2168 / QĐ-UBND ngày 18 / 8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	Tổng số	643.533	180.977	389.222	12.313	31.795				29.226
I	Các cơ quan tổ chức	564.599	175.377	389.222						
	Đơn vị Sự nghiệp	339.351	175.377	163.974						
1	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	1.337		1.337						
2	XN công trình công cộng	1.000		1.000						
3	Sự nghiệp mầm non	47.525		47.525						
4	Sự nghiệp tiểu học	64.461		64.461						
5	Sự nghiệp trung học cơ sở	11.025		11.025						
6	Trung tâm y tế	18.106		18.106						
7	Trung tâm văn hóa TT & TT	7.631		7.631						
8	Trạm Thủy nông	3.235		3.235						
9	Trạm Thú y	5.584		5.584						
10	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	2.502		2.502						
11	Phòng Quản lý đô thị	3.603	3.603							
12	Ban Quản lý dự án	173.342	171.774	1.568						
	Khối cơ quan QLNN	174.639		174.639						
1	Văn phòng HĐND-UBND	9.332		9.332						
2	Phòng Kinh tế	9.821		9.821						

3	Phòng Tài nguyên - Môi trường	13.480		13.480					
4	Phòng Tư pháp	1.407		1.407					
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.822		1.822					
6	Phòng Giáo dục	1.804		1.804					
7	Phòng Y tế	800		800					
8	Phòng Lao Động TBXH	26.564		26.564					
9	Phòng Văn hóa - TT	4.590		4.590					
10	Phòng Quản lý Đô thị	97.532		97.532					
11	Phòng Nội vụ	5.949		5.949					
12	Thanh tra Nhà nước	1.538		1.538					
	Khối Đảng, Đoàn thể	23.572		23.572					
1	Văn phòng Huyện ủy	12.855		12.855					
2	UB Mặt trận Tổ quốc	1.239		1.239					
3	Huyện Đoàn	4.887		4.887					
4	Hội LH Phụ nữ	2.400		2.400					
5	Hội Nông dân	1.277		1.277					
6	Hội Cựu Chiến binh	914		914					
	Các Tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp	1.239		1.239					
1	Hội Chữ Thập đỏ	741		741					
2	Hội người Mù	320		320					
3	Chi hội Người tiêu dùng	178		178					
	Đơn vị khác	25.798		25.798					
1	Công An	11.086		11.086					
2	Huyện Đội	14.712		14.712					
II	Chi dự phòng ngân sách	12.313			12.313				
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	31.795				31.795			
IV	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã	5.600	5.600						
V	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	29.226							29.226

**ĐU TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 1167 / QĐ-UBND ngày 17/8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông nông thôn	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	180.977	83		4.357	13.171		82.137	2.793			63.831	59.631		3.211		11.394
1	Cấp huyện	175.377	83		4.357	13.171		82.137	2.793			61.631	57.431		3.211		7.994
	Phòng Quản lý đô thị	3.603															3.603
	Ban Quản lý dự án	171.774	83		4.357	13.171		82.137	2.793			61.631	57.431		3.211		4.391
2	Cấp xã	5.600										2.200	2.200				3.400
2.1	Tân Thành	200										200	200				
2.2	Đất Cuốc	200										200	200				
2.3	Tân Mỹ	200										200	200				
2.4	Thường Tân	200										200	200				
2.5	Lạc An	3.600										200	200				3.400
2.6	Hiếu Liêm	200										200	200				
2.7	Tân Định	200										200	200				
2.8	Tân Lập	200										200	200				
2.9	Bình Mỹ	200										200	200				
2.10	Tân Bình	400										400	400				

(Kèm theo Quyết định số: 2167/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

A	Cá
1	Đo
1	Tr
2	XN
3	Su

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tần	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Cấp huyện	389.222	124.348	512	14.712	11.086	18.106	4.146	1.414	2.071	25.696	102.939	57.540	18.157	59.923	24.269	0
I	Đơn vị Sự nghiệp	163.974	124.348	0	0	0	18.106	4.146	1.414	2.071	0	13.889	0	11.321	0	0	0
1	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	1.337	1.337														
2	XN Công trình công cộng	1.000										1.000					
3	Sự nghiệp mầm non	47.525	47.525														
4	Sự nghiệp tiểu học	64.461	64.461														
5	Sự nghiệp trung học cơ sở	11.025	11.025														
6	Trung tâm y tế	18.106					18.106										
7	Trung tâm văn hóa TT & TT	7.631						4.146	1.414	2.071							
8	Trạm Thủy nông	3.235										3.235		3.235			
9	Trạm Thú y	5.584										5.584		5.584			
10	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	2.502										2.502		2.502			
12	Ban Quản lý dự án ĐTXD	1.568										1.568		0			
II	Khối cơ quan QLNN	174.639	0	512	0	0	0	0	0	0	25.696	89.050	57.540	6.836	35.112	24.269	0
1	Văn phòng HĐND-UBND	9.332													9.332		
2	Phòng Kinh tế	9.821		512								6.836		6.836	2.473		
3	Phòng Tài nguyên - Môi trường	13.480									9.010	2.880			1.590		
4	Phòng Tư pháp	1.407													1.407		

[illegible]



Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỔ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 167 / QĐ-UBND ngày 17 / 8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Thu kết dư	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP	
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số					Trong đó: Phần NSDP được hưởng
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8
	Cấp xã	167.029,3	2.935	2.935	0	0	164.094,3	0,0	0,0	167.029
1	Tân Thành	15.089,7	520	520			14.569,7			15.089,7
2	Đất Cuốc	14.041,6	330	330			13.711,6			14.041,6
3	Tân Mỹ	15.876,3	270	270			15.606,3			15.876,3
4	Thường Tân	16.352,8	580	580			15.772,8			16.352,8
5	Lạc An	22.039,1	180	180			21.859,1			22.039,1
6	Hiếu Liêm	14.536,7	370	370			14.166,7			14.536,7
7	Tân Định	19.747,0	300	300			19.447,0			19.747,0
8	Tân Lập	15.899,4	30	30			15.869,4			15.899,4
9	Bình Mỹ	17.130,2	160	160			16.970,2			17.130,2
10	Tân Bình	16.316,5	195	195			16.121,5			16.316,5



DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020
 (Kèm theo Quyết định số: 167 / QĐ-UBND ngày 17 / 8 / 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	1.000			1.000
1	UBND xã Hiếu Liêm	1.000			1.000
2					
3					
...	...				

(Kèm theo Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

[illegible]

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/06/2020				Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/06/2020				Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2020						
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn)	Ngoài nước	Ngân sách huyện		...	Ngoài nước	Ngân sách huyện		...	Ngoài nước	Ngân sách huyện		...	Ngoài nước	Ngân sách huyện		...		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
	Tổng số					525.209	-	525.209	-	1.128.406	-	1.128.406	-	298.489	-	298.489	-	180.977	-	180.977	-			
A	LĨNH VỰC GIAO THÔNG					169.150	-	169.150	-	143.668	-	143.668	-	143.668	-	143.668	-	60.715	-	60.715	-			
1	Ban Quản lý dự án					162.463	-	162.463	-	141.322	-	141.322	-	141.322	-	141.322	-	58.391	-	58.391	-			
2	Thực hiện dự án					162.463	-	162.463	-	141.322	-	141.322	-	141.322	-	141.322	-	58.391	-	58.391	-			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					162.463	-	162.463	-	141.322	-	141.322	-	141.322	-	141.322	-	58.301	-	58.301	-			
1	Nâng cấp BTN các tuyến đường Tân Thành 07, 11, 24, 31, 36, 58	Tân Thành	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	8.300		8.300		6.326		6.326		6.326		6.326		2.752		2.752				
2	Nâng cấp BTN đường Thường Tân 02	Thường Tân	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	2.845		2.845		2.525		2.525		2.525		2.525		1.735		1.735				
3	Nâng cấp đường Hiếu Liêm 03 (giai đoạn 2)	Hiếu Liêm	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	14.930		14.930		12.609		12.609		12.609		12.609		3.147		3.147				
4	Mở mới tuyến đường từ Hiếu Liêm 14 đến Hiếu Liêm 16	Hiếu Liêm	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	8.000		8.000		7.253		7.253		7.253		7.253		3.863		3.863				
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Thành 27 đến trung tâm xã chi	Tân Thành	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	3.700		3.700		3.388		3.388		3.388		3.388		1.289		1.289				
6	Nâng cấp BTN các tuyến đường Tân Bình 34, 44	Tân Bình	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	4.996		4.996		4.749		4.749		4.749		4.749		2.012		2.012				
7	Nâng cấp BTN các tuyến đường Tân Bình 20, 24, 38	Tân Bình	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	4.996		4.996		4.249		4.249		4.249		4.249		2.100		2.100				
8	Nâng cấp BTN đường Tân Mỹ 03	Tân Mỹ	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	8.999		8.999		8.299		8.299		8.299		8.299		4.624		4.624				
9	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 28	Thường Tân	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	3.498		3.498		2.707		2.707		2.707		2.707		794		794				
10	Nâng cấp BTN đường Đất Cuốc 06	Đất Cuốc	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	4.253		4.253		3.362		3.362		3.362		3.362		1.919		1.919				
11	Nâng cấp BTN đường Lạc An 86	Lạc An	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	5.497		5.497		4.921		4.921		4.921		4.921		3.329		3.329				
12	Nâng cấp BTN đường Bình Mỹ 03	Bình Mỹ	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	5.498		5.498		4.725		4.725		4.725		4.725		3.042		3.042				

13	Nâng cấp BTXM các tuyến đường Tân Lập và sỏi đỏ đường Tân Lập 02	Tân Lập	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	4.500		4.500		3.853		3.853		3.853		2.594		2.594
14	Nâng cấp BTN đường Tân Định 30	Tân Định	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	5.500		5.500		4.932		4.932		4.932		3.416		3.416
15	Mở mới đường dọc bờ hồ Đá Bàn từ ĐH.415 đi Trung tâm Hành chính huyện mới Bắc Tân Uyên đến đường Tân Thành đổi 5 nối dài	Tân Thành - Đất Cuốc	cấp IV	2018-2020	942; 12/06/2015	14.086		14.086		12.949		12.949		12.949		1.573		1.573
16	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Hiếu Liêm 12 đến Km2+200	Hiếu Liêm	cấp IV	2018-2020	2597; 17/10/2016	14.567		14.567		14.113		14.113		14.113		49		49
17	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.415 (đoạn từ hồ Đá Bàn đến ngã ba giao với đường ĐH.437)	Tân Thành	cấp IV	2016-2018	2572; 17/10/2016	14.999		14.999		14.670		14.670		14.670		212		212
18	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.415 (đoạn từ giáp ĐH.411 đến hồ Đá Bàn)	Đất Cuốc	cấp IV	2016-2018	2572; 17/10/2016	14.999		14.999		13.966		13.966		13.966		613		613
19	Đường nội bộ công an huyện	Đất Cuốc	cấp IV	2016-2018	2572; 17/10/2016	11.990		11.990		11.726		11.726		11.726		433		433
20	Nâng cấp bê tông nhựa đường Bình Mỹ 37	Bình Mỹ	cấp IV	2016-2018	1740; 07/09/2015	1.063		1.063								700		700
21	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT Tân Lập 02 (đoạn từ Km1+000 đến Km2+000)	Tân Lập	cấp IV	2016-2018	1015; 16/05/2016	5.247		5.247								3.500		3.500
22	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 23 nối dài (đoạn từ cuối đường Tân Thành 23 đến giáp đường Tân Thành 13)	Tân Thành	cấp IV													1.705		1.705
23	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 39, 56	Tân Bình	cấp IV													1.950		1.950
24	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 10, 27, 33	Bình Mỹ	cấp IV													2.550		2.550
25	Nâng cấp BTXM đường Lạc An 30	Lạc An	cấp IV													2.100		2.100
26	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	Thường Tân	cấp IV													1.925		1.925
27	Nâng cấp BTXM đường Đất Cuốc 02, Đất Cuốc 08 (giai đoạn I)	Đất Cuốc	cấp IV													2.275		2.275
28	Nâng cấp BTN đường Tân Định 02 (giai đoạn 1)	Tân Định	cấp IV													2.100		2.100
c	Dự án chuẩn bị đầu tư															90		90

1	Nâng cấp BTN tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62 đến đường Tân Thành 01	Tân Thành															10		10		
2	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	Tân Thành															10		10		
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.436 (giai đoạn 1)																10		10		
4	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 23, Tân Bình 44	Tân Bình															10		10		
5	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 29 (giai đoạn 1), Thường Tân 32	Thường Tân															10		10		
6	Nâng cấp BTXM đường Tân Mỹ 01	Tân Mỹ															10		10		
7	Nâng cấp BTXM đường Tân Định 52 - nhánh 1	Tân Định															10		10		
8	Nâng cấp BTXM đường Tân Lập 08, Tân Lập 17, Tân Lập 38 và Tân Lập 15 (giai đoạn 2)	Tân Lập															10		10		
9	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 21, Bình Mỹ 38 - nhánh 3, Bình Mỹ 46	Bình Mỹ															10		10		
II	Phòng Quản lý đô thị					2.487	-	2.487	-	2.346	-	2.346	-	2.346	-	2.346	-	24	-	24	
2	Thực hiện dự án					2.487	-	2.487	-	2.346	-	2.346	-	2.346	-	2.346	-	24	-	24	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					2.487	-	2.487	-	2.346	-	2.346	-	2.346	-	2.346	-	24	-	24	
1	Mở mới tuyến đường GTNT xã Hiếu Liêm (đoạn từ cầu suối Cãi đến Hiếu Liêm 04)	Hiếu Liêm	cấp IV	2016-2018	3263; 30/10/2017	2.487		2.487		2.346		2.346		2.346		2.346		24		24	
III	UBND xã Tân Mỹ					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210		
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10		
	Dặm vá, sửa chữa đường Tân Mỹ 12 (từ giáp ĐH.414 - Km 0+00 đến Km 0+700)					200		200									10		10		
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200		
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200		
1	Nâng cấp bề tổng nhựa đường Tân Mỹ 01 (từ giáp ĐT.746 đến nhà ông Huỳnh)	Tân Mỹ	cấp IV	2019-2021	2865; 30/11/2016	200		200									200		200		
IV	UBND xã Thường Tân					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210		
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10		

	Nâng cấp đường Thường Tân 29 nối dài					200		200									10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
1	Nâng cấp BTXM đường ngõ hẻm tổ 5, ấp 2, xã Thường Tân	Thường Tân	cấp IV	2019- 2021	2865; 30/11/2 016	200		200									200		200
V	UBND xã Lạc An					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp, sửa chữa đá 0x4 đường Lạc An 57, ấp 3					200		200									10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
1	Nâng cấp đá 0x4 đường Lạc An 68 (đoạn từ THCS Lạc An đến rẫy ông Biền)	Lạc An	cấp IV	2019- 2021	2865; 30/11/2 016	200		200									200		200
VI	UBND xã Hiếu Liêm					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp đường Hiếu Liêm 04 - Nhánh 4A					200		200									10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
I	Nâng cấp, sửa chữa đường Hiếu Liêm 06	Hiếu Liêm	cấp IV	2019- 2021	2865; 30/11/2 016	200		200									200		200
VII	UBND xã Tân Định					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Định 50					200		200									10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
1	Nâng cấp sửa chữa đường Tân Định 05 (từ ngã ba đất ông Kỳ đến nhà ông Nguyễn Văn	Tân Định	cấp IV	2019- 2021	2865; 30/11/2 016	200		200									200		200
VIII	BND Thị trấn Tân Thành					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thành 32					200		200									10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200

1	Duy tu, sửa chữa đường Tân Thành 34, Tân Thành 44, Tân Thành 49, Tân Thành 57	Tân Thành	cấp IV	2019-2021	2865; 30/11/2016	200	200									200	200	
IX	UBND xã Đất Cuốc					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp BTXM đường Đất Cuốc 06 - Nhánh 3					200		200								10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
1	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 3 ấp Suối Voi	Đất Cuốc	cấp IV	2019-2021	2865; 30/11/2016	200		200								200		200
X	UBND xã Tân Lập					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Sửa chữa cấp phối đá dăm nhánh rẽ đường Tân Lập 02					200		200								10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
1	Nâng cấp đường Tân Lập 40	Tân Lập	cấp IV	2019-2021	2865; 30/11/2016	200		200								200		200
XI	UBND xã Bình Mỹ					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	210	-	210
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 45					200		200								10		10
2	Thực hiện dự án					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	200
1	Duy tu, sửa chữa đường Bình Mỹ 08	Bình Mỹ	cấp IV	2019-2021	2865; 30/11/2016	200		200								200		200
XII	UBND xã Tân Bình					600	-	600	-	-	-	-	-	-	-	410	-	410
1	Chuẩn bị đầu tư					200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	10	-	10
	Nâng cấp đá dăm đường Tân Bình 49 - Nhánh 1					200		200								10		10
2	Thực hiện dự án					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	400	-	400
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	400	-	400
1	Nâng cấp mở mới tuyến đường GTNT ấp Công Xanh, xã Tân Bình	Tân Bình	cấp IV	2019-2021	2865; 30/11/2016	200		200								200		200
2	Duy tu sửa chữa đường Tân Bình 05 xã Tân Bình	Tân Bình	cấp IV			200		200								200		200
B	LĨNH VỰC XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ, TÁI ĐỊNH CƯ					30.315	-	30.315	-	28.333	-	28.333	-	28.333	-	28.333	-	3.797
1	Ban Quản lý dự án					8.487	-	8.487	-	8.193	-	8.193	-	8.193	-	8.193	-	441
2	Thực hiện dự án					8.487	-	8.487	-	8.193	-	8.193	-	8.193	-	8.193	-	441

b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					8.487	-	8.487	-	8.193	-	8.193	-	8.193	-	431	-	431	
1	Khu dân cư, tái định cư xã Lạc An (giai đoạn 2)	Lạc An	cấp IV	2016-2018	2572; 17/10/2016	8.487		8.487		8.193		8.193		8.193		431		431	
c	Dự án chuẩn bị đầu tư															10		10	
1	Khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	Đất Cuốc														10		10	
II	Phòng Quản lý đô thị					21.828	-	21.828	-	20.140	-	20.140	-	20.140	-	3.356	-	3.356	
2	Thực hiện dự án					21.828	-	21.828	-	20.140	-	20.140	-	20.140	-	3.356	-	3.356	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					21.828	-	21.828	-	20.140	-	20.140	-	20.140	-	3.356	-	3.356	
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, tái định cư xã Tân Mỹ (giai đoạn 2)	Tân Mỹ	cấp IV	2019-2021	2964; 26/10/2018	7.037		7.037		6.499		6.499		6.499		1.557		1.557	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, tái định cư xã Thường Tân (giai đoạn 2)	Thường Tân	cấp IV	2019-2021	2963; 26/10/2018	9.040		9.040		8.471		8.471		8.471		1.744		1.744	
3	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư, tái định cư xã Tân Mỹ (giai đoạn 1)	Tân Mỹ	cấp IV	2016-2018	3262; 30/10/2017	2.710		2.710		2.403		2.403		2.403		26		26	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư, tái định cư xã Thường Tân (giai đoạn 1)	Thường Tân	cấp IV	2016-2018	3261; 30/10/2017	3.041		3.041		2.767		2.767		2.767		29		29	
D	LĨNH VỰC KHÁC (HỖ TRỢ BỒI THƯỜNG)									5.705	-	5.705	-	5.705	-	5.423	-	5.423	
1	Ban Quản lý dự án									5.705	-	5.705	-	5.705	-	2.023	-	2.023	
2	Thực hiện dự án									5.705	-	5.705	-	5.705	-	2.023	-	2.023	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020									5.705	-	5.705	-	5.705	-	2.023	-	2.023	
1	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên (Bồi thường, hỗ trợ)	Đất Cuốc		2019-2021						372		372		372		3		3	
2	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	Bình Mỹ		2019-2021						-		-		-		20		20	
3	Trường THPT Lê Lợi (Bồi thường, hỗ trợ)	Tân Thành		2019-2021						155		155		155		2		2	
4	Trung tâm văn hóa xã Tân Định (giai đoạn 1) và phần đất dự trữ xây dựng Trường THCS Tân Định (Bồi thường, hỗ trợ)	Tân Định		2019-2021						1.115		1.115		1.115		1.042		1.042	
5	Bồi thường, hỗ trợ nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Thành 27 đến trung tâm Sơ Chi huy	Tân Thành		2019-2021						225		225		225		186		186	

6	Trung tâm văn hóa xã Lạc An (Bồi thường, hỗ trợ)	Lạc An		2019-2021					1.068		1.068		1.068		1.068		44		44	
7	Đường vào trụ sở mới BCH quân sự huyện (Bồi thường, hỗ trợ)	Tân Thành		2019-2021					57		57		57		57		13		13	
8	Bồi thường, hỗ trợ khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	Tân Thành		2019-2021					43		43		43		43		672		672	
9	Bồi thường, hỗ trợ Mở rộng Công an huyện (Khu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho Công an huyện Bắc Tân Uyên)	Đất Cuốc		2016-2018					2.670		2.670		2.670		2.670		41		41	
II	UBND xã Lạc An					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.400	-	3.400	
2	Thực hiện dự án					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.400	-	3.400	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.400	-	3.400	
1	Xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An (Bồi thường, hỗ trợ)	Lạc An	cấp IV	2019-2021													3.400		3.400	
E	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - Y TẾ					2.500	-	2.500	-	832.324	-	832.324	-	2.407	-	2.407	-	133	-	133
1	Ban Quản lý dự án					2.500	-	2.500	-	832.324	-	832.324	-	2.407	-	2.407	-	133	-	133
2	Thực hiện dự án					2.500	-	2.500	-	832.324	-	832.324	-	2.407	-	2.407	-	133	-	133
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					2.500	-	2.500	-	832.324	-	832.324	-	2.407	-	2.407	-	83	-	83
1	Xây dựng công trường rào trường THCS Tân Mỹ	Tân Mỹ	cấp IV	2018-2020	2597; 17/10/2016	2.500		2.500		832.324		832.324		2.407		2.407		83		83
c	Dự án chuẩn bị đầu tư																50		50	
1	Trạm Y tế xã Tân Mỹ	Tân Mỹ															10		10	
2	Trạm Y tế xã Lạc An	Lạc An															10		10	
3	Trường Tiểu học Bình Mỹ (Xây dựng bổ sung 06 phòng học)	Bình Mỹ															10		10	
4	Trường Tiểu học Lạc An (Xây dựng nhà bếp kết hợp nhà đa năng)	Lạc An															10		10	
5	Trạm Y tế xã Thường Tân	Thường Tân															10		10	
F	LĨNH VỰC VĂN HÓA					265.621	-	265.621	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	87.533	-	87.533
1	Ban Quản lý dự án					265.621	-	265.621	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	87.533	-	87.533
2	Thực hiện dự án					265.621	-	265.621	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	87.533	-	87.533
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					265.621	-	265.621	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	79.547	-	87.493	-	87.493
1	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện Bắc Tân Uyên	Đất Cuốc		2018-2020	3475; 12/11/2018	34.653		34.653		22.500		22.500		22.500		22.500		13.500		13.500

2	Trung tâm Văn hóa xã Tân Định (giai đoạn 1)	Tân Định	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	14.999		14.999		6.973	6.973	6.973	6.973	3.981	3.981
3	Trung tâm Văn hóa xã Đất Cuốc (giai đoạn 1)	Đất Cuốc	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	10.299		10.299		6.363	6.363	6.363	6.363	2.758	2.758
4	Trung tâm Văn hóa xã Tân Mỹ (giai đoạn 2)	Tân Mỹ	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	14.999		14.999		10.000	10.000	10.000	10.000	5.192	5.192
5	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Lạc An	Lạc An	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	10.335		10.335		4.348	4.348	4.348	4.348	5.889	5.889
6	Trung tâm Văn hóa xã Tân Mỹ (giai đoạn 1)	Tân Mỹ	Cấp III	2018-2019	2114; 10/09/2015	12.773		12.773		300	300	300	300	400	400
7	Xây dựng hàng rào Đài liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	Đất Cuốc	Cấp IV	2016-2018	2597; 17/10/2016	4.500		4.500		4.191	4.191	4.191	4.191	40	40
8	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 1)	Tân Lập	Cấp III	2020-2023	3501; 30/10/2019	14.999		14.999		793	793	793	793	9.000	9.000
9	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 1)	Hiếu Liêm	Cấp III	2020-2023	3500; 30/10/2019	14.999		14.999		790	790	790	790	9.000	9.000
10	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (giai đoạn 1)	Bình Mỹ	Cấp III	2020-2023	3499; 30/10/2019	14.037		14.037		603	603	603	603	9.000	9.000
11	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã Đất Cuốc (giai đoạn 2)	Đất Cuốc	Cấp III	2020-2023	3506; 30/10/2019	14.999		14.999		5.250	5.250	5.250	5.250	9.000	9.000
12	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Lạc An (giai đoạn 2)	Lạc An	Cấp III	2020-2023	3505; 30/10/2019	14.999		14.999		5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000
13	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Định (giai đoạn 2)	Tân Định	Cấp III	2020-2023	3502; 30/10/2019	14.997		14.997						7.100	7.100
14	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 1)	Tân Lập	Cấp III	2020-2023	3501; 30/10/2019	14.999		14.999		793	793	793	793	793	793
15	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 1)	Hiếu Liêm	Cấp III	2020-2023	3500; 30/10/2019	14.999		14.999		790	790	790	790	790	790
16	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (giai đoạn 1)	Bình Mỹ	Cấp III	2020-2023	3499; 30/10/2019	14.037		14.037		603	603	603	603	604	604

17	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Đất Cuốc (giai đoạn 2)	Đất Cuốc	Cấp III	2020-2023	3506; 30/10/2019	14.999		14.999		5.250		5.250		5.250		5.250		723		723	
18	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Lạc An (giai đoạn 2)	Lạc An	Cấp III	2020-2023	3505; 30/10/2019	14.999		14.999		5.000		5.000		5.000		5.000		723		723	
c	Dự án chuẩn bị đầu tư																	40		40	
1	Xây dựng chợ Tân Định	Tân Định																10		10	
2	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 2)	Tân Lập																10		10	
3	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 2)	Hiếu Liêm																10		10	
4	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (giai đoạn 2)	Bình Mỹ																10		10	
G	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG					8.285	-	8.285	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	4.357	-	4.357	
I	Ban Quản lý dự án					8.285	-	8.285	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	4.357	-	4.357	
2	Thực hiện dự án					8.285	-	8.285	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	4.357	-	4.357	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					8.285	-	8.285	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	6.341	-	4.357	-	4.357	
1	Nhà ở đại đội dự động viên và dân quân cơ động	Tân Thành	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	4.998		4.998		3.925		3.925		3.925		3.925		3.237		3.237	
2	Câu lạc bộ quần nhân BCH quân sự huyện	Tân Thành	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	3.287		3.287		2.416		2.416		2.416		2.416		1.120		1.120	
H	LĨNH VỰC AN NINH					25.357	-	25.357	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	13.230	-	13.230	
I	Ban Quản lý dự án					25.357	-	25.357	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	13.230	-	13.230	
2	Thực hiện dự án					25.357	-	25.357	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	13.230	-	13.230	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					25.357	-	25.357	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	14.330	-	13.230	-	13.230	
1	Nhà trực chỉ huy công an huyện	Tân Thành	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	2.709		2.709		1.919		1.919		1.919		1.919		1.524		1.524	
2	Nhà thể dục thể thao đa năng công an huyện	Đất Cuốc	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	9.299		9.299		7.797		7.797		7.797		7.797		5.792		5.792	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Lạc An	Lạc An	Cấp IV	2018-2020	746; 14/5/2015	4.357		4.357		4.090		4.090		4.090		4.090		398		398	
4	Hệ thống đèn cao áp chiếu sáng Công an huyện	Đất Cuốc	cấp IV	2018-2020	2597; 17/10/2016	1.464		1.464		24		24		24		24		24		24	
5	Nhà làm việc Quản lý hành chính - trật tự xã hội Công an huyện	Đất Cuốc	cấp IV	2016-2018	3503; 30/10/2019	7.528		7.528		500		500		500		500		5.492		5.492	

1	XÂY DỰNG TRỤ SỞ					23.981	-	23.981	-	18.158	-	18.158	-	18.158	-	18.158		5.789		5.789	
1	Ban Quản lý dự án					23.981	-	23.981	-	18.158	-	18.158	-	18.158	-	18.158		5.789		5.789	
2	Thực hiện dự án					23.981	-	23.981	-	18.158	-	18.158	-	18.158	-	18.158		5.789		5.789	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2016 -2020					23.981	-	23.981	-	18.158	-	18.158	-	18.158	-	18.158		5.779		5.779	
1	Xây dựng đài truyền thanh huyện Bắc Tân Uyên (giai đoạn 2)	Tân Thành	Cấp IV	2019-2021	1545; 21/06/2018	3.498		3.498		3.102		3.102		3.102		3.102		2.194		2.194	
2	Xây dựng đài truyền thanh huyện Bắc Tân Uyên	Tân Thành	cấp IV	2018-2020	2597; 17/10/2016	10.484		10.484		9.259		9.259		9.259		9.259		599		599	
3	Xây dựng trung tâm lưu trữ	Tân Thành	cấp IV	2016-2018	2597; 17/10/2016	5.499		5.499		5.426		5.426		5.426		5.426		340		340	
4	Xây dựng trạm thú y, trạm bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông	Tân Thành	cấp IV	2016-2018	2597; 17/10/2016	4.500		4.500		371		371		371		371		371		371	
5	Xây dựng trụ sở làm việc các Hội (xã hội) huyện Bắc Tân Uyên	Tân Thành	cấp IV															2.275		2.275	
c	Dự án chuẩn bị đầu tư																	10		10	
1	Xây dựng trụ sở Ban CHQS xã Thường Tân	Thường Tân																10		10	